

Số: /KH-UBND

Sính Phình, ngày tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Kết luận số 149-KL/TW, ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị
về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017
của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII
về công tác Dân số trong tình hình mới**

Căn cứ Kế hoạch số 231-KH/TU ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 149-KL/TW;

Thực hiện Kế hoạch số 3988/KH-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc thực hiện Kết luận số 149-KL/TW, ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về công tác Dân số trong tình hình mới;

Ủy ban nhân dân xã Sính Phình ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 149-KL/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 231-KH/TU của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về công tác Dân số trong tình hình mới, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Kết luận số 149-KL/TW và Kế hoạch số 231-KH/TU đến các cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn xã.

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp theo Kết luận và Kế hoạch nêu trên, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị và Nhân dân về vai trò, ý nghĩa chiến lược của công tác Dân số trong phát triển kinh tế - xã hội.

2. Yêu cầu

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị tại địa phương.

- Thực hiện giám sát, đánh giá định kỳ; kịp thời điều chỉnh giải pháp không phù hợp.

- Phân công rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã trong thực hiện Kết luận số 149-KL/TW và Kế hoạch số 231-KH/TU, gắn với: Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV và XV. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của tỉnh. Quy định trách nhiệm

nêu gương của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Các Nghị quyết, chỉ thị, đề án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của tỉnh, xã.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 21-NQ/TW và Nghị quyết số 13-NQ/TU; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, xây dựng xã Sính Phình phát triển nhanh, bền vững.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Duy trì vững chắc mức sinh bình quân mỗi phụ nữ trên địa bàn trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con.

- 100% Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại; giảm 75% số trẻ vị thành niên và thanh niên có thai ngoài ý muốn.

- Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc có dưới 10 nghìn người, đặc biệt là những dân tộc ít người, theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh.

- Phân đầu tỷ số giới tính khi sinh dưới 108 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 27,8%; tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt 9,0%; tỷ lệ người phụ thuộc chung đạt khoảng 51,3%.

- Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%; giảm 50% số cặp tảo hôn, không có cặp hôn nhân cận huyết thống; 95% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 95% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

- Tuổi thọ bình quân đạt 73 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 64 năm; Duy trì 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, khám chữa bệnh, chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

- Chiều cao người 18 tuổi đối với nam đạt 166 cm, nữ đạt 155 cm. Chỉ số Phát triển con người (HDI) bằng mức trung bình chung của cả nước.

- Bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý ở vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn. Bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

- 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn quốc.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tổ chức quán triệt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo về công tác dân số trong tình hình mới

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về công tác dân số bằng hình thức phù hợp, hiệu quả. Trọng tâm là tuyên truyền sâu rộng các văn bản: Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII; Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 15/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 16/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 231-KH/TU ngày 16/6/2025 của Tỉnh ủy. Đối tượng tuyên truyền là toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trên địa bàn xã. Đảm bảo mọi tầng lớp Nhân dân, đặc biệt là người dân vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội đối với công tác dân số

Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân số trong tình hình mới. Quán triệt sâu sắc, đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 21-NQ/TW, Kết luận số 149-KL/TW, Chỉ thị số 27/CT-TTg, Nghị quyết số 13-NQ/TU và Kế hoạch số 231-KH/TU; đặc biệt là quan điểm chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong giai đoạn mới. Rà soát, cập nhật, bổ sung các nghị quyết, kế hoạch, chương trình hành động cấp tỉnh về công tác dân số đến năm 2030. Tổ chức quán triệt nội dung Kết luận số 149-KL/TW, Kế hoạch số 231-KH/TU và Kế hoạch này trong toàn hệ thống chính trị nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm và đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách dân số. Đưa công tác dân số vào nghị quyết lãnh đạo của cấp ủy, chương trình công tác của các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã; lồng ghép yếu tố dân số trong kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội theo lĩnh vực, địa bàn được giao. Phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo công tác dân số và phát triển các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp liên ngành.

3. Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, vận động về công tác dân số

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Kế hoạch số 1162/KH-UBND ngày 09/6/2020 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình truyền thông dân số đến năm 2030.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân, gia đình, cộng đồng và toàn xã hội trong thực hiện chính sách dân số và phát triển.

- Đổi mới hình thức truyền thông theo hướng đa dạng, linh hoạt, phù hợp với từng nhóm đối tượng và địa bàn: Phát huy truyền thông số, mạng xã hội, báo chí, website, bản tin nội bộ. Tăng cường truyền thông trực tiếp tại cộng đồng, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số qua loa phát thanh cơ sở, tờ rơi, pano, áp phích, truyền thông bằng tiếng dân tộc. Tổ chức các hoạt động: mít tinh, cổ động, diễu hành, nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt cộng đồng, lễ hội văn hóa, hương ước, quy ước.

- Phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng, chức sắc tôn giáo, già làng, trưởng bản trong truyền thông về dân số.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ tuyên truyền viên, cộng tác viên dân số/y tế; tổ chức tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật, giám sát các hoạt động truyền thông tại cơ sở.

- Cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin cho cấp ủy, chính quyền địa phương về các vấn đề dân số có tác động trực tiếp đến phát triển bền vững, như: Chênh lệch mức sinh giữa các vùng, nguy cơ không duy trì mức sinh thay thế; tốc độ già hóa dân số nhanh; tỷ số giới tính khi sinh mất cân bằng; chất lượng dân số, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn còn thấp.

4. Thực hiện chính sách, pháp luật về dân số

- Tổ chức triển khai hiệu quả các chính sách, pháp luật hiện hành và Kế hoạch thực hiện Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn xã; chủ động thực hiện các chính sách mới khi có hướng dẫn của Trung ương, như: Chính sách khuyến khích sinh đủ hai con, nhất là tại các địa bàn có mức sinh thấp, vùng đồng bào dân tộc ít người. Chính sách duy trì mức sinh thay thế; thu hẹp chênh lệch giới tính khi sinh. Chính sách chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, tăng tuổi thọ, số năm sống khỏe mạnh. Hỗ trợ phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi; hỗ trợ việc làm, trợ cấp cho người lao động sinh và nuôi con nhỏ.

- Tham mưu rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị hoàn thiện các chủ trương, quy định, chính sách pháp luật về dân số bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phù hợp với thực tiễn.

- Rà soát quy hoạch các bản thuộc UBND xã bảo đảm phân bố dân cư hợp lý, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và chiến lược bảo vệ Tổ quốc.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ người di cư tiếp cận công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản; tạo điều kiện ổn định dân cư tại các vùng khó khăn, trọng yếu về quốc phòng, an ninh.

- Thực hiện hiệu quả chính sách bảo vệ, phát triển dân tộc thiểu số, đặc biệt là các dân tộc thiểu số rất ít người.

5. Triển khai đồng bộ các giải pháp về công tác dân số

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về dân số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

- củng cố, phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe người cao tuổi; mở rộng các loại hình câu lạc bộ dành cho người cao tuổi; phát triển mạng lưới chuyên ngành lão khoa; tăng cường phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và cộng đồng.

- Triển khai hiệu quả chính sách điều chỉnh mức sinh phù hợp theo từng vùng tại địa phương; lồng ghép yếu tố dân số trong các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh tạo việc làm, giảm thất nghiệp, tăng hiệu quả sử dụng lao động khu vực nông thôn; mở rộng giáo dục, đào tạo, dạy nghề gắn với thị trường lao động.

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 952/KH-UBND ngày 07/4/2021 về phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030; hoàn thiện kết nối, đồng bộ dữ liệu dân số trên cơ sở dữ liệu quốc gia, phục vụ hiệu quả công tác hoạch định chính sách và phát triển.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ dân số.

- Xây dựng, triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035 (khi có hướng dẫn); huy động nguồn lực xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng tham gia thực hiện chương trình.

- Kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác dân số; đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa cán bộ đáp ứng yêu cầu chuyển hướng từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển.

- Tăng cường hỗ trợ tài chính, kỹ thuật, kinh nghiệm trong thực hiện các mục tiêu dân số bền vững.

- Đảm bảo đủ nguồn lực thực hiện công tác dân số, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ dân số.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về dân số trên địa bàn xã.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn xã hội hóa; nguồn huy động, hỗ trợ, viện trợ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trạm Y tế xã

- Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã tổ chức triển khai Kế hoạch trên phạm vi toàn xã.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động hằng năm về công tác dân số, bảo đảm lồng ghép với các chương trình, kế hoạch của ngành Y tế và các lĩnh vực khác; phối hợp với các phòng chuyên môn, đơn vị liên quan để thực hiện đạt mục tiêu của Kế hoạch.

- Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác dân số trên địa bàn; tham mưu tổng hợp báo cáo định kỳ và đột xuất kết quả theo quy định.

- Phối hợp cùng các đơn vị trường học trên địa bàn Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung bồi dưỡng và giáo dục về giới, giới tính, dân số, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới cho giáo viên, học sinh và lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về dân số vào quy hoạch, kế hoạch của ngành. Đa dạng các loại hình giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, giới và giới tính; dịch vụ thân thiện cho vị thành niên, thanh niên trong nhà trường.

- Phối hợp với các cơ quan truyền thông đại chúng trên địa bàn xã đẩy mạnh và đổi mới các hoạt động thông tin, truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi về dân số; xử lý nghiêm những hành vi xuất bản và lưu hành các ấn phẩm, sản phẩm thông tin có nội dung vi phạm chính sách dân số.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan tổ chức triển khai đề án, dự án, chương trình về lĩnh vực gia đình, phòng chống bạo lực gia đình, văn hóa, thể thao, du lịch, theo định hướng Kế hoạch, đưa các tiêu chí dân số vào phong trào xây dựng “Gia đình văn hóa”, “thôn văn hóa”, nội dung hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư. Tham mưu thực hiện hiệu quả kế hoạch thực hiện Đề án bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số, đặc biệt dân tộc dưới 10 nghìn người trên địa bàn xã theo hướng đảm bảo sự phát triển đồng đều, bình đẳng giữa các dân tộc.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai các nội dung bồi dưỡng và giáo dục về giới, giới tính, dân số, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới cho giáo viên, học sinh, sinh viên và lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về dân số vào quy hoạch, kế hoạch của ngành.

- Đa dạng các loại hình giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, giới và giới tính; dịch vụ thân thiện cho vị thành niên, thanh niên trong nhà trường.

- Mở rộng, nâng cao hiệu quả giáo dục, đào tạo, dạy nghề gắn với thị trường lao động.

- Tổ chức thực hiện tốt các đề án, chính sách về giáo dục từ mầm non trở lên để bổ sung các nội dung, hoạt động liên quan đến nâng cao chất lượng dân số, tầm vóc thể lực người Việt Nam trên địa bàn tỉnh.

3. Phòng Kinh tế xã

Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội xã căn cứ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ, khả năng cân đối ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác tham mưu bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách đảm bảo thực hiện hiệu quả kế hoạch.

4. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác Dân số trong tình hình mới trên các phương tiện thông tin tại địa phương... để nâng cao khả năng được thụ hưởng, nghe, xem các kênh phát thanh, kênh truyền hình của quốc gia và địa phương.

- Bảo đảm thông tin thường xuyên, tăng thời lượng phát sóng, nâng cao chất lượng tin, bài, chuyên mục, phóng sự về dân số và phát triển.

4. Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS trên địa bàn xã

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các đề án, chính sách về giáo dục từ mầm non đến cấp trung học cơ sở, tích hợp nội dung nâng cao chất lượng dân số, cải thiện tầm vóc, thể lực người Việt.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và Trạm Y tế tổ chức bồi dưỡng, giáo dục về giới, giới tính, dân số, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới cho giáo viên, học sinh, lồng ghép trong các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh... Đa dạng hóa hình thức giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, giới; phát triển dịch vụ thân thiện cho vị thành niên, thanh niên trong nhà trường.

5. Đề nghị Ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội; trưởng các thôn trên địa bàn xã

Theo chức năng nhiệm vụ phối hợp với Trạm y tế xã cùng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động để nâng cao nhận thức của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn xã “về việc chấp hành chính sách dân số phát triển trong tình hình mới, thực hiện tốt các biện pháp tránh thai an toàn, chăm sóc sức sinh sản, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc”.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Kết luận số 149-KL/TW, ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về công tác Dân số trong tình hình mới. Đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo nội dung yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- UB MTTQ Việt Nam xã và các đoàn thể xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Trạm Y tế xã;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Công Trứ